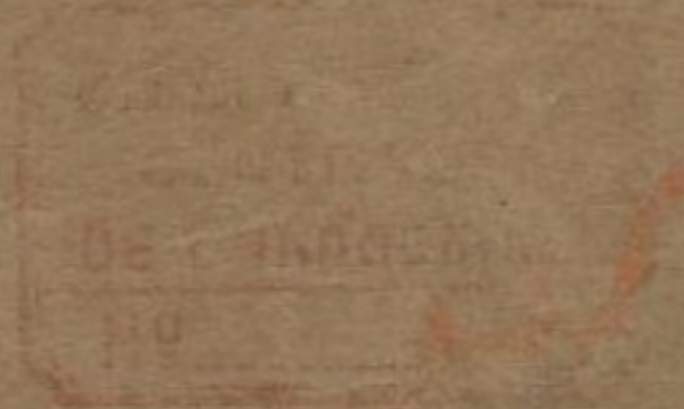


BÔNG CHAI

CHƠI VINH HẠ LONG

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



HÀ NỘI

Nhà in Kim Đức Quảng

1924

M(20)

3894

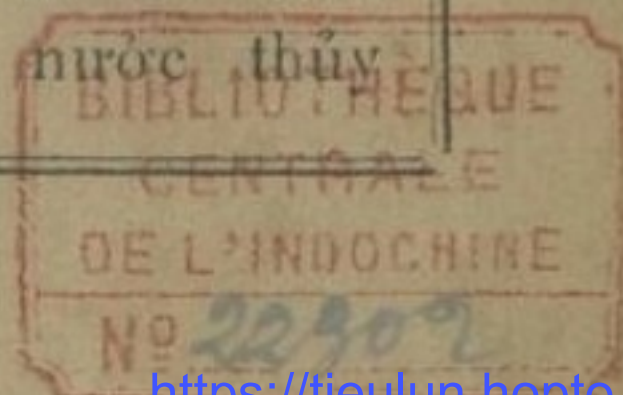
THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Chơi Vịnh Hạ-Long

Ngày 20 tháng 4 năm 1924 tôi với ông Phạm-Quỳnh chủ bút báo Nam-Phong cùng với mấy ông bạn là: ông Ngô Vi-Liên, Ngô Vi-Lan, Đỗ Đình-Đặc, cùng ra chơi vịnh Hạ-long. Vì hôm ấy được mấy ngày nghỉ, chưa biết đi chơi đâu, mà xưa nay vẫn thấy người nói đi chơi Hạ-long là thú hơn cả; ừ thì đi chơi. Thế thì cái sự đi chơi đó cũng ngẫu-nhiên, cũng là một sự thường, xưa nay người ta đã đi chơi chán, có gì mà kỹ-thuật.

Thói thường người ta đi chơi Hạ-long thì hay đi tàu thủy tự Hải-phòng ra thẳng Hongay, rồi sáng hôm sau thuê thuyền ở Hongay đi vòng quanh xem các đảo, chiều quay về đáp tàu thủy Hongay lại trở về Hải-phòng, đi như thế cũng tiện. Hay là thuê riêng một chiếc tàu thủy nhỏ đi độ hàng trăm người hay độ vài ba chục người, chạy xem một lượt rồi quay về, cái đó cũng là một cách đi chơi lối mới. Nhưng lần này chúng tôi đi chơi chỉ có độ gần ba anh em thôi. Sáng sớm đi chuyển xe hỏa từ Hà-nội xuống Hải-phòng, 12 giờ trưa thì xuống tàu thủy ra chơi qua Quảng-yên. Vì ở đây có ông Hoàng Mạnh-Ngọc làm phán-sự ở tòa Sứ, có hẹn chúng tôi qua chơi đó rồi cùng đi. Vả lại từ Quảng-yên ra Hạ-long cũng không xa mấy nữa, đi tàu hay đi thuyền cũng tiện. Đi tàu thì đã có chuyển cố giờ, không phải nói chi. Còn đi thuyền thì hoặc người nói phải đi đến một ngày, hoặc hơn một ngày, cái đó cũng còn là nhờ về gió với nước thủy-trào, thuận ra thì chóng, nếu không gặp nước gặp gió thì lâu, cũng không biết đâu làm chừng được.

Nhân chuyến đi chơi này mà chúng tôi lại được đi qua con sông Bạch-dăng là một con sông lớn đã từng có danh-tiếng trong lịch-sử, là một con đường thủy-đạo người Tàu có qua đó mới vào lọt được nước Nam ta. Thế mà đã một lần Ngô-vương Quyền đánh giết Hoảng Thao là thái-tử nhà Nam-Hán ở đó; lại một lần Trần Hưng-Đạo đánh bắt được Ô-Mã-Nhi là tướng Nguyên sang xâm lấn nước Nam ta cũng ở đó. Đến nay ta mới qua thăm cái nơi chiến-trường ở trên dòng sông bãi cát này, thì còn biết đâu là nơi cắm chông sắt, nơi phục binh thuyền, chỉ thấy nước thủy



trào sớm hôm lên xuống ào-ào, cuộc tang-thương đã thay đổi mấy đời triều, ai còn nhớ đến những đoạn lịch-sử vẻ-vang ở trên dòng sông nước chảy này nữa. Song những người hữu-tâm với giang-sơn tổ-quốc qua đây mà sức nhớ đến câu thơ : «*Đằng-giang tự cổ huyết do hồng* 藤江自古血猶紅. » thì cũng tưởng-tượng như trông thấy Ngô-vương-Quyền, Trần Hưng-Đạo đương hò hét quân-sĩ ở trên ngọn trào lấp sóng ; vẻ-vang lắm thay ! hùng-tráng lắm thay !

Tàu vừa chạy qua sông Bạch-đăng, chớp mắt đã thấy đến bến Quảng-yên, chừng vào hồi hai giờ. Chúng tôi lên bến thì đã gặp ông Hoàng Mạnh-Ngọc, ông đưa về nhà nghỉ ngơi. Ông nói tàu ra Hongay, thì còn phải đợi đến 9, 10 giờ đêm mới có chuyến chạy. Nhân dịp đợi tàu, chúng tôi lại được đi ngoạn-cảnh Quảng-yên.

Tỉnh Quảng-yên đóng ở trên một cái núi đất hình người tiên, cho nên hoặc gọi là Tiên-thành. Trước mặt trông xuống sông Chanh, chỗ bến tàu đó tức là bến Ngự Trong tiếp với Hải-phòng, ngoài trông ra Hongay, tỉnh Quảng-yên ở giữa, chỉ là chỗ tàu thuyền qua lại tạm đỗ đó mà thôi. Cho nên công việc cũng giản, buôn bán cũng không có gì. Chúng tôi có tiếp quan Án ở đấy nói chuyện : «*Chỉ có một mình ngài là quan tỉnh, kiêm cả việc cai-trị, việc tòa án, mà suốt ngày không có mấy việc, chỉ ngồi đọc sách mà thôi.*» Quanh tỉnh chỉ có mấy cái giếng nước ngọt, nước ăn cũng hiếm, củi rừng cũng khan, mà gạo ăn cũng kém, thế thì dân tỉnh này cũng khó-khan lắm nhỉ.

Nhân hôm ấy là ngày lễ, nghe nói làng Yên-trì gần đấy có rước nhà thờ đạo. Làng ấy là một xứ người Tây-ban-nha sang truyền đạo đã lâu lắm, dân-dinh kể đến hàng mấy nghìn người, mà con gái có tiếng đẹp. Khi chúng tôi lên chơi thì chưa thấy rước, ông Ngọc có giới-thiệu chúng tôi vào chơi với mấy ông Linh-mục. Các ông Linh-mục tiếp khách rất ân-cần chân-thật, người bên đời ngờ đâu lại được các ông khuyên mời chén rượu thánh, qui thay ! Các ông Linh-mục mời ở lại đến 6 giờ để xem rước. Nhưng chúng tôi nghĩ xem thế là đủ, cáo từ ra về. Khi về, qua thăm hang cổ-mộ ở dưới chân núi, là một cái hang trường Bắc-cổ

đã đào thấy năm xưa. Dưới xây gạch cổ dày lắm, ngoài xây cửa cuốn tròn, trong cửa cuốn vuông, hòn gạch nào cũng có vết vạch như đường chỉ. Không biết đó là nơi để của hay là để mả tự đời nào. Ngờ đâu lại để cho đến chúng ta ngày nay trông thấy được, thì cổ-nhân cũng chẳng tốn công xây đắp làm gì. Những kẻ chôn hố vàng xây huyết đá, tưởng cũng là si-mộng đó mà thôi. Qua đó là nơi bệnh-viện, còn trông thấy mấy góc thành-cổ, diu-biu lá cây ngọn cỏ buổi tà-dương. Rồi sức qua một cái cửa tam-quan xây gạch, trông ra cũng đã có nét cổ, hỏi ra mới biết là cửa đền Trùng-liệt, thờ ông Hiệp-thống Trương Quốc-Dụng khi đem quân ra đánh giặc là tên nguy tiền-quân Độ Hậu-quân Ước ở Quảng-yên, tử-tiết ở trận đánh tổng Hà-bắc trong năm Tự-đức nhâm-tuất thập-ngũ. Thế ra vùng Quảng-yên khi xưa là nơi tổ giặc, còn ai dám đi phiếm-du như chúng ta ngày nay nữa. Các cụ lão-thần ta khi xưa đã gia sức vì dân vì nước mà giữ cuộc trị-an, cũng đáng nên tạc bia kỷ-niệm lắm thay ! Ít lâu tôi đã chán nghề thơ, đến đây bất-giác lại thừa-hưng có chuyết-vịnh một bài « Tiên-thành lâm thắng » rằng :

Hình-thắng non sông đất nước này,

Núi Tiên bên Ngự đây là đây,

Cửa hang cổ-mỏ rêu mờ đá,

Bên góc hoang-thành bóng lẫn cây,

Con nước rập-rờn sông cửa Cẩm,

Cánh buồm thấp-thoáng vừng Hòn-gay,

Hồn xưa trung-liệt đền đâu đó ?

Đề khách qua chơi nhớ những ngày...

Chiều mát, qua thăm mấy ông thân-bào có chân hội Tri-tri ở tỉnh ấy, đều lấy làm vui-vẻ lắm. Bầy giờ tối cùng trở về nhà ông Ngọc. Ông đã biết ý các quan-viên Hà-nội hay thưởng-thức cá bể, không biết ông đã câu sẵn ở Hải-phòng từ bao giờ, mà bầy tiệc hôm ấy thấy có nhiều thứ cá bể lắm. Thế ra ông thực có lòng trọng-dãi bà con đường ngược chỉ hay thích hải-vị, khác với các ông đường bể thì lại hay thích đồ Kinh ; mà ông thực đã hiểu ngầm cái nghĩa chữ « câu » là lời sáo-ngữ của các quan phủ-huyện đường bể xưa nay vẫn có tài câu để đem biếu . . . !

Trước khi 9 giờ, chúng tôi ra chơi bến Ngự để hóng mát và đợi tàu. Tình-cờ thế nào lại thuê được một chiếc thuyền, khả dung được độ mười người, chúng tôi liền cùng xuống thuyền ra đi, chớ không đợi tàu nữa. Trong thuyền thì ông Ngọc đã sai dự-bị đủ cả các thức tửu-hào. Ông lại đem theo cả hai cậu con trai nhỏ đi chơi. Lại được ông Ký Bùi-Nguyên-Huân là người đồng-sự với ông Ngọc cùng đi ra chơi, ông có tài nói chuyện rất lý thú. Thuyền tuy rằng hẹp, nhưng mà người trong khoang người ngoài mũi lại được cái thú kể dùi kể vế nói chuyện gẫu trong khi thuyền đi lênh đênh trên mặt nước bóng trắng suông, trông bát-ngát ra ngoài bể, thì thú vị biết chừng nào ! Chỉ tiếc rằng không đem được một vài cặp mĩ-nhân nào để đàn-ca xướng-họa với non sông. Nhưng đã dùng lối đi chơi nhà nho hủ, thời sao hay kiếm được cả lối chơi phong-lưu đàn hát nào-nhiệt như ngày nay được. Trong khi đêm khuya, bóng trắng khi mờ khi tỏ, mấy anh em bảo nhau đem rượu ra để thưởng-ngượn cái cảnh đêm ở trên mặt bể, trông ra dưới bóng trắng suông thấy các ngọn núi đá chập-chồng vòng quanh, nước thủy-trào khi lên khi xuống, không biết rằng thuyền đã đi được bao nhiêu đường đất, mà ta đã vượt qua được mấy vạn trùng non-nước rồi ! Chỉ thấy tên lái dò trở bảo rằng : Kia là dò Lá, cống Mương, kia là bãi cát Trương-mò, kia là Hòn-một, kia là Bầy-giếng, về quá phía trong kia là ghềnh Phước-kẽm Chùa ; trông về phía trước kia là cặp Bìm-bìm, ông Lã-vọng. Lại quá ra nữa là ông thầy Têu, bà Thanh-lãnh. Đò đều là những tên kênh tên núi, mà người mình trông thấy cái bình-trạng nó như thế nào thì đặt ngay tên nôm nó như thế, kể ra thiên-bình vạn-trạng sao cho xiết được. Cũng có cái núi nay ta vừa đi qua, mà có cái nay ta chưa đi qua đến, chỉ mơ-màng trông thấy thấp-thoáng ở xa xa. Lái dò lại bảo ta rằng : Đi lối trong thì qua kênh Bà-già rồi ra mãi đến hang Con-gái. Nhưng đêm nay nghe đã khuya rồi, thế nào chèo tới hang Con-gái được, tiếc thay ! Đêm thanh vắng-vắng, lại nghe lái dò hát rằng :

*Kề từ sông Cẩm mà ra,
Thâu kênh Nam-triệu bắt ra Giải-dàn.*

Cửa Giỗ lại có hang Luồn,
 Thâu kênh Bò-lội tới miền Tuần-châu.
 Nào-nào cửa Lục nơi đâu?
 Cửa Lục lại có lối thâu kênh Đồng.
 Vua Thành-tông trị vì thiên-lý,
 Đặt bài thơ còn để lại đây.
 Non Đền giếng Hạm đâu đây?
 Bên kia Đầu-muối bên này Sà-cong.
 Kề chưa xong nào Bà-thanh-lãnh,
 Ông thầy Tiên khiển-nạnh đã Iâu.
 Hà-tử lại có Chôn-Khâu,
 Ao Hanh chẳng tát để sâu mấy trùng.
 Kia hòn Đa chồng cao nghi-ngút,
 Hòn-một nọ thẳng tới Hòn-hai.
 Đá-bàn thăm-thăm bên ngoài,
 Bên kia Cát-bạc bên này Dốc-thông.
 Miếu Đức-ông là nơi cửa Suốt,
 Khách vãng-lai thường mộ cũng dâng.
 Vạn-hoa chốn ấy ngát hương,
 Cáp-tiên có giếng giữa rừng trong thay!
 Qua Soi giây bắt sang ghềnh Đám,
 Tới Hòn-quay sẽ tạm nghỉ ngơi.
 Trông ra Hòn-gạc xa vời,
 Kia voi Hà-nửa nọ voi Đầm-hầu,
 Khe cũng sâu tắm trượng (1) ở giữa,
 Qua Dù-di tới cửa Tân yên.
 Khen ai khéo đặt cho nên,
 Một bên Vũng-vật một bên Vua-bà.
 Nhác trông ra nước sâu bằng-độc,
 Quân nhao-nhao với nghĩ rằng vui.
 Trời làm một trận gió xuôi,
 Bát sang ghềnh Cuốn là nơi Hà-chàng.

Ấy là mấy câu ca giặm dò kể từ vòng Cẩm ra Hải-ninh
 nay ta còn thấy truyền-khẩu ở các chú lái dò, chính là
 cái câu hát để trở lối đưa đường đi ra cửa Lục đó.

(1) trượng - bãi cát nổi.

Đêm hôm ấy may sao lại được trời êm sóng lặng thuyền đi đủng-đỉnh một con chèo. Sáng mờ-mờ đã trông thấy các thuyền đi đánh cá, người ta gọi là đi ngòi, buồm phấp phới như bướm-bướm. Dần dần thấy ánh sáng mặt trời mọc lên. Chừag vào hồi 7 giờ sáng ngày 21 thì thuyền đến hang Đầu-gỗ. Tới nơi mới biết đây chính là cửa Lục, mà chữ nho là Lục-hải-khẩu 綠海口 chính là đây, không biết cái tên «Hạ-long» là bởi đâu đặt ra, mà tên tây thì gọi là *Baie d'Along*. Tra trong địa dư thì có núi Đầu-mối ở trong cửa Lục (tức là Xà-dầu dự 蛇頭嶼), nhưng không thấy nói có hang có洞. Chỉ thấy nói đảo Cành-độc ở tận ngoài xã Phù-Long có một cái洞 rộng, khả dung đến nghìn người, tạo-tác tự-nhiên, chạm-trổ như vẽ. Nhưng vị-tất đã phải là洞 này. Đổng này cũng rộng, vào có từng ngăn, đá mọc trông như cột-trụ, chạm-trổ nhấp-nhóang, có vô-số nhũ đá rủ xuống hình như miếng khánh, lại có từng bậc đá ở trên trông như hình sán gác, cũng là một cái洞 thiên-tạo tự nhiên tuyệt hảo. Từ dưới chân núi bước lên non một trăm bậc, rồi mới vào cửa hang, rộng hơn洞 chùa Hương nhiều. Khi mới bước vào đã trông thấy tên người Nhật đề nhan-nhãn. À, thế ra chúng ta vô-tình với non sông thật, giang-sơn mình mà chỉ thấy những tên người ghi tạc đó tự bao giờ. Nhưng mà không, ta quên, cũng có tên đòi ba người ta đề theo vào đó, mà nay ta mới tới đây, mới biết đây chính là Lục-hải, mà ngoài Vân-hải kia là cửa bể Vân-dồn, chính là nơi tự đời Lý Anh-Tôn đã mở cho tàu khách các nước đến thông-thương. Đời Trần đã có ông Trần Khánh-Dur ra làm Vân-dồn-phó-tướng, để giữ chẹn đường bể không cho quân Tàu tải-lương sang. Ông đã từng phục-quân ở cửa Lục-hải đánh cướp được hơn 50 chiếc thuyền lương của Trương Văn-Hồ. Vì thế quân Nguyên hết lương, đức Trần Hưng-Đạo mới đánh bắt được tướng Nguyên là Ô-Mã-Nhi ở trên sông Bạch-dằng. Thế thì tên ba chữ: «Trần Khánh-Dur 陳慶餘» đã ghi tạc với non sông này tự bao giờ, giả thử chúng ta có đề thêm cái tên Văn-Kèo Văn-Cột của chúng ta vào đó cũng chỉ làm nhem thêm vách đá ra mà thôi. Nay chúng ta mà còn được trông thấy cái cảnh trời xanh nước biếc, khe thăm hang sâu này, cũng nên nhớ đến cái công của tiền-nhân ta đã từng rười

huyết-hân ở trên mặt sông mặt biển này, mới có ngày nay, không thì là nơi hang hùm tổ giặc, chớ ai còn dám qua chơi tới đây nữa. Không lẽ đi chơi mà không có thơ, nên tôi cũng giở lối hủ mà chấp-nhặt mấy vần tả cái cảnh «Luc-hải phiếm-chu» rằng :

Mênh-mông cửa Lục núi vòng quanh,

Lóp sóng lô-sô đá gập ghềnh.

Khe thăm hang sâu xây-tạc đồng,

Trời xanh nước biếc vẽ vờ tranh.

Thuyền lương tương Hồ tam kênh lặng,

Buồm khách đồn Vân bóng ác chênh.

Thơ tạo khen tha bày đặt khéo,

Hạ-long riêng một cảnh xinh xinh.

Khi chúng tôi xem trong hang Đầu-gỗ phải thấp nển, thấp đèn đất, đi dần mãi vào đến hai ba ngấn. Nhưng còn rộng còn sâu, không dám vào nữa, và cũng không dám leo lên những chỗ gác cao. Lại lui ra thuyền, bơi quanh một dãy núi đá, hỏi ra các dãy núi đá vùng này có đến hơn mười cái hang cái洞, nào là hang cửa Dừa, núi Cặp-gà, chúng tôi không thể nào đi xem cho khắp được. Chừng vào hồi 11 giờ trưa, chúng tôi neo thuyền lại ở dưới một hòn núi đá tách đôi ra đứng ở giữa bể, rồi cùng mở tiệc ở trên mui bồng mặt bể quỳnh-tương lẫn cho nhau. Nhân ông Lan có đem theo cái hòm ảnh nhỏ, và lại có con ông Đắc cũng biết ngắm ảnh, có chụp mười phiến ảnh, nhưng chỉ rõ được vài ba phiến, vì đứng trong hang có chỗ không đủ ánh sáng mà chụp cho rõ được.

Tà-tà bóng ngả về tây,

Chi em thơ-thần giang tay ra về.

Đó là cái cảnh cô Kiều có ý buồn bâng-khuâng nhớ cảnh mà lại nhớ người. Nào chúng ta thì nhớ ai bây giờ? Chỉ nhớ cái non sông cố-quốc này mà thôi. Bóng xế chiều, thuyền qua vũ Thúng, ghé vào thăm hang Đình, rồi bơi vòng quanh về phía «Núi Đề-thơ». Khi đến nơi trông lên vách đá, thấy có nét thơ đề, nhân thế người ta mới gọi là núi Đề-thơ, chứ cái tên ấy mới thành tên từ đời Hậu-Lê, chứ nguyên tên núi ấy là núi Truyền-dăng 傳燈. Đề-thơ đó là ai? Chúng tôi chỉ sao được mấy câu : « Quang-

thuận cửu niên, xuân nhị nguyệt 光順九年春二月.
 « và câu kết rằng: Thiên-Nam vạn cổ sơn-hà tại, 天南萬
 古山河在. Chính thì tu văn yền vũ niên 正是修文
 偃武年. » Cuối cùng thư-danh là: Thiên-nam đông-chủ
 đề 天南洞主題. » Xét: « Thiên-nam đông-chủ, là hiệu vua
 Lê Thánh-tôn, bài thơ đó là vua Thánh-tôn đề tự năm 1468,
 đến nay đã năm trăm năm nay, chữ đã mờ rêu đi cả.
 Nhưng chỉ đọc cái câu: Thiên-nam vạn cổ sơn-hà tại, thì khi-
 tượng hùng-tráng biết là chừng nào! Nguyên vua Lê Thánh-
 tôn khi ra diêu-võ ở sông Bạch-dăng, rồi kéo quân luôn
 ra tuần-hải, có sai mài đá đề bài tựa và thơ, nay xin tra
 lục cả toàn-văn đăng như sau này :

云。	燈	海。	麗	藤	親	光
山	巡	海	江	率	順	
下。	安	不	上。	六	九	
磨	邦	楊	是	軍。	年	
石	駐	波。	日	試	春	
題	師	乃	風	武	二	
一	于	泛	和	于	月。	
律	傳	黃	景	白	余	
	正	天	海	信	壯	亂
	是	南	東	手	心	山
	修	萬	烽	遙	初	碁
	文	古	燧	提	感	布
	偃	山	息	巽	咸	碧
	武	河	狼	二	三	連
	年	在	煙	權	股	天
						川

南洞主題

Nghĩa bài tựa trên là : « Mùa xuân tháng hai, năm Quang-
 thuận thứ 9 (1468). Ta thân đem sáu quân diêu võ ở trên sông
 Bạch-dăng. Ngày hôm ấy, gió hòa cảnh đẹp, bề không nổi sóng,
 ta phiếm-chu luôn ra Hoàng hải, tuần xir An-bang, đóng quân ở

dưới núi Truyền-dăng, mài đá đề một bài thơ.» Nghĩa bài thơ là. »
Sóng lớn cuộn cuộn, trăm ngọn sông chảy xô cả về. Núi đá bày
như bàn cờ, sắc biếc liên trời. Tráng-tâm ta vẫn sợ quyền-chính
đi về kẻ dưới, nên phải ra tay mà cầm lấy quyền trên. Miru-mô bởi
tự chốn Bắc-thần (nhà vua) nghiêm bày quân hùng-hổ, vì thế khói
lửa con lang ở cõi bể Đông cũng yên lặng cả. Non sông trời Nam
ta muốn thuở hãy còn, chính là cái lúc đẹp việc vũ sửa việc văn đó.»

Đi theo dãy núi ấy lại có một bài thơ của chúa Trịnh, họa
theo vần bài trước, đề năm Bảo-thái kỷ-dậu, vào khoảng độ hai
trăm năm nay, chữ còn rõ, chép được đủ cả, lời tựa và thơ
như sau :

石	就	述	興	師	水	畫	漢	駕	有	餘	金	時
七	懸	池	桓	步	蛟	覽	鯨	餘	度	閒	穰	調
言	崖	草	壯	之	室	島	腥	余	式	一	萬	玉
永	遺	湧	丹	如	澄	嶼	臨	整	舟	遊	務	燭
留	韻	生	神	雷	清	之	于	舟	師	之	之	歲
于	琢	爰	逸	虎	耀	如	東	師	之	之	之	熹

保泰已酉仲春四七日	日南鄭主題	群	載	春	代	溼	神	山	漠
		扈	遵	光	遠	潤	奇	連	渤
		咸	一	疊	尚	難	莫	醮	無
		歌	豫	見	遺	名	狀	水	涯
		海	孚	爛	擒	化	安	水	涯
		晏	兌	花	韃	育	排	漫	總
		年	悅	煙	臭	權	掌	天	川

Bài tựa trên nghĩa là : « Nay gặp buổi thái-bình, năm được
mùa. Thích nhân muốn việc dư-nhàn, nên cũng đi qua chơi
để làm phép. Ta cười binh thuyền ra tới bể Đông, trông thấy
núi non như vẽ, bể lặng sông trong. Quân thủy-bộ đều mạnh-
mẽ như hổ, vang lừng như sấm. Tinh thần ta khi ấy mới sinh
hưng-thú, bèn thuật theo vần thơ đề vách đá trước, làm ra
bài thất-ngôn, lưu đề vào đá ». Nghĩa bài thơ là : « Bể lớn mênh
mông hợp cả các sông lại. Núi thì lấp-loáng bóng nước, nước thì
lênh láng lưng trời. Cái tay an bài ra thực là thần-kỳ rất mực,
cái công tâm-nhuận khắp cả như công hóa-dục của trời, không
biết đầu mà nói xiết được. Đời xưa có bắt được giặc Nguyên ở đây

bây giờ đương mùa xuân thấy yên hoa sán-lạn rất đẹp. Đi chơi lần này đều vui vẻ cả. Các quan đều ca tụng bề lặn sông trong ».

Sau cùng bài thơ đề hiệu là: *Nhật-nam Trịnh-chúa*, đề ngày bốn bảy tháng trọng-xuân năm kỷ-dậu niên hiệu Bảo-thái. Xét: Trịnh-chúa tức là Trịnh-Cương 鄭 綱 mà năm Bảo-thái kỷ-dậu là năm 1729, thuộc về đời cuối Lê. Ngày tháng mà đề là *trọng-xuân tứ thất nhật* 仲春四七日, chừng là ngày 28 tháng hai chẳng?

Cuối dãy núi ấy lại có một bài thơ mới đề là:

菊 畦 阮 謹	庚 戌 臘 月 初 三 日	吁	我	鄭	和	五	天	東	聖
		嗟	來	王	稱	百	風	溟	尊
		後	拔	忘	御	餘	海	之	皇
		黎	劍	意	筆	年	濤	山	帝
		之	怒	同	繁	字	日	高	題
		君	欲	不	何	猶	夜	百	詩
		臣	嗔	氓	人	亦	激	尺	石

Ý-giả bài thơ này là khi cụ Nguyễn-Cần làm quan ở Quảng-yên cụ mới sai tạc đá đề thơ, có ý bình-phẩm về đời vua Lê chúa Trịnh. Cụ lại đề cho hậu-nhân tha-hồ mà bình-phẩm về sau.

Khi qua xem dãy núi Đề-thơ rồi, quay thuyền về Hongay, thì trời đã chiều hôm, 5, 6 giờ rồi. Lại gặp được một ông bạn tốt là ông Nhị làm việc sở Thương-chính ở đó. Ông biết rằng người đi bề xưa nay vẫn hay khan về nước. Ông cung-cấp cho đủ các thứ nước uống nước rửa mát-mẻ. Tối đến ông lại đưa thuyền cho đi giòng dưới bến tàu mà trông lên trên núi, bên này Hongay, bên kia Bãi-cháy, đèn sáng lập-lòe từng đợt núi một, coi như sao sa, trông ra càng biết cái công cuộc mỗ than ở đây rất là to-tát. Các tàu bè đều ghé đỗ ở đó để lấy than, Thuyền đi vòng quanh khắp cả khúc sông ấy để hóng mát, rồi chúng tôi từ giã lên tàu. Độ 9, 10 giờ đêm thì tàu lại chạy về Hải-phòng. 1 giờ ngày 22 lên xe hỏa về Hà-nội. Vừa về đến nhà gặp được trận mưa to mát-mẻ, đêm hôm ấy chúng tôi lại được một giấc mộng-du êm-dềm, bàng-khuâng đỉnh Giáp non Thần, vẫn bình như chơi trên cửa Lục.

ĐÔNG-CHÂU

Certifié avoir tiré

30 exemplaires

Hanoi le 23 Juillet 1954

Imprimerie LE QUOC GIANG

Lequocgiang

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM